TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HS-ST
Ngày: 15-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung;

Ông Nguyễn Minh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh, Toà án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Minh T**, sinh ngày 22/02/1993, tại thành phố Hà Nội; Căn cước công dân: 001093004402; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị N1; có vợ: Nguyễn Thị C và có 03 người con: Lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự nhân thân: Không. Ngày 08/05/2025, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Võ Thị Kim O, sinh năm 1962; cư trú tại: Số B, Tổ B, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2021, Phạm Minh T từ thôn C, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội) vào Bình Dương ở cùng bạn là Hà Huy H để kiếm việc làm. Do tiếp xúc với H nên T biết H thường xuyên cho vay, nên nắm được cách thức hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Thông qua mạng xã hội, T quen biết với đối tượng tên T2 (hiện chưa rõ nhân thân lai lịch). T2 liên hệ với T nói có bà Võ Thị Kim O có nhu cầu vay

tiền thì T đồng ý. Sau khi thỏa thuận, T trực tiếp đến nhà của bà O để biết nơi ở của người vay, sau đó T cho bà O viết hợp đồng về việc T thuê căn nhà của bà O đang ở, T có đặt cọc trước số tiền bằng với số tiền T cho bà O vay tiền. Hợp đồng thuê nhà do T giữ.

T đã cho bà O vay 02 lần với hình thức vay trả góp, đóng tiền góp trong 25 ngày thì trả hết cả gốc lẫn lãi với lãi suất 1%/ngày tương đương 365%/năm, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất*: Ngày 13/4/2021, T cho bà O vay số tiền 100.000.000 đồng, với hình thức vay trả góp trong 25 ngày và T thu phí dịch vụ là 10.000.000 đồng. Mỗi ngày trả góp số tiền 5.000.000 đồng; gồm tiền gốc 4.000.000 đồng và tiền lãi 1.000.000 đồng). Lần vay này bà O chuyển khoản trả đủ cho T số tiền 125.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi 25.000.000 đồng (gồm tiền lãi trong mức 20% là 1.369.863 đồng (25.000.000 đồng x 20%/365%), tiền lãi vượt mức 20% là 23.630.137 đồng (25.000.000 đồng - 1.369.863 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính của T trong lần cho vay này là 33.630.137 đồng (gồm 23.630.137 đồng tiền lãi vượt mức 20% và 10.000.000 đồng tiền phí dịch vụ).

- *Lần thứ hai*: Ngày 01/5/2021, T cho bà O vay số tiền 150.000.000 đồng, với hình thức vay trả góp trong 25 ngày và T thu phí dịch vụ là 10.000.000 đồng. Mỗi ngày trả góp số tiền 7.500.000 đồng (gồm tiền gốc 6.000.000 đồng, tiền lãi 1.500.000 đồng). Lần vay này bà O đã góp cho T 03 ngày với số tiền 22.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 18.000.000 đồng, tiền lãi là 4.500.000 đồng; gồm tiền lãi trong mức 20% là 246.575 đồng (4.500.000 đồng x 20%/365%), số tiền lãi vượt mức 20% là 4.253.425đ (4.500.000 đồng - 246.575 đồng). Trong tháng 5/2021, bà O có trả thêm cho T 10.000.000 đồng là tiền gốc. Như vậy, trong lần vay này tổng số tiền gốc bà O đã trả cho T là 28.000.000 đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính của T trong lần cho vay này là 14.253.425 đồng (gồm 4.253.425 đồng tiền lãi vượt mức 20% và 10.000.000 đồng tiền phí dịch vụ).

Trong hai lần vay tiền nêu trên, bà O đã vay của T tổng số tiền gốc là 250.000.000 đồng và đã trả cho T tổng số tiền gốc là 128.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 122.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi bà O đã trả cho T là 29.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi trong mức 20% là 1.616.438 đồng, số tiền lãi vượt mức 20% là 27.883.562 đồng. Ngoài ra, T còn thu của bà O 20.000.000 đồng tiền phí dịch vụ. Như vậy, T đã thu lợi bất chính được số tiền 47.883.562 đồng.

Ngày 17/5/2021, bà O đã làm đơn tố giác Phạm Minh T có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) đã thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

* Biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc 128.000.000 đồng bà O đã trả cho T và tổng số tiền lãi trong mức 20% mà T đã thu của bà O là 1.616.438 đồng cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; đối với số tiền vay gốc 122.000.000 đồng mà bà O còn nợ T, buộc bà O nộp vào ngân sách Nhà nước. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã yêu cầu T và bà O nộp lại số tiền nêu trên nhưng đến nay T và bà O vẫn chưa thực hiện.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính 47.883.562 đồng (gồm số tiền lãi đã thu vượt quá 20% là 27.883.562 đồng và tiền phí dịch vụ 20.000.000 đồng) mà T đã thu của bà O cần trả lại cho bà O. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã yêu cầu T trả lại cho bà O số tiền trên nhưng đến nay T chưa thực hiện.

Cáo trạng số 45/CT-VKSKV15 ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Phạm Minh T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Minh T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 02 (hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Buộc bị cáo nộp lại số tiền bị cáo dùng để cho vay mà bà O đã trả cho bị cáo là 128.000.000 đồng và số tiền bị cáo đã thu lãi của bà O theo quy định của pháp luật là 1.616.438 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bà O nộp lại số tiền đã vay của bị cáo nhưng chưa trả là 122.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với tổng số tiền lãi bị cáo T đã thu của bà Võ Thị Kim O vượt quá quy định của pháp luật là 27.883.562 đồng và tiền phí dịch vụ 20.000.000 đồng, tổng cộng là 47.883.562 đồng. Cần buộc bị cáo trả lại cho cho bà O.

- Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị. Trong nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên toà, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Võ Thị Kim O; nhưng bà O đã có lời khai trình bày ý kiến của mình nên việc vắng mặt của bà O không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bà O.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng những tài liệu,

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 13/4/2021 đến ngày 01/5/2021, tại số nhà B, Tổ B, Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Phạm Minh T đã thực hiện hành vi cho bà Võ Thị Kim O vay tổng số tiền là 250.000.000 đồng bằng hình thức vay trả góp theo ngày, với lãi suất là 1%/ngày, gấp 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc mà bà O đã trả cho bị cáo là 128.000.000 đồng và còn nợ lại 122.000.000 đồng; tổng số tiền lãi bà O đã trả cho bị cáo là: 29.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi thu trong mức quy định của Bộ luật Dân sự là 1.616.438 đồng và số tiền lãi thu vượt mức quy định của Bộ luật Dân sự là 27.883.562 đồng, ngoài ra bị cáo còn thu của bà O số tiền 20.000.000 đồng tiền phí dịch vụ. Do đó, hành vi mà bị cáo Phạm Minh T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017). Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi mà bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ảnh hưởng trật tự, trị an của xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi mà bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh, nhu cầu về kinh tế của người đi vay, thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, để có tác dụng giáo dục đối với bị cáo cũng như đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo, xét mức đề nghị hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là hơi cao nên Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt tiền là hình phạt chính khi quyết định hình phạt cũng đủ răn đe đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền bị cáo dùng để cho vay mà bà O đã trả cho bị cáo là 128.000.000 đồng và số tiền bị cáo đã thu lãi của bà O theo quy định của pháp luật là 1.616.438 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà O nộp lại số tiền 122.000.000 đồng đã vay của bị cáo nhưng chưa trả để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với tổng số tiền lãi bị cáo đã thu của bà O vượt quá số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 27.883.562 đồng và 20.000.000 đồng tiền phí dịch vụ, tổng cộng là 47.883.562 đồng. Theo quy định tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021

của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì bị cáo phải có trách nhiệm trả lại số tiền này cho bà O.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đối với đối tượng Hà Huy H, do đến nay vẫn chưa xác định được H đang ở đâu để tiến hành làm việc nhằm xác định H có đồng phạm với T về hành vi cho vay lãi nặng hay không và để xử lý việc phong tỏa tài khoản của H nên ngày 08/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã tách vụ án hình sự đối với hành vi của Hà Huy H và ra Quyết định truy tìm số A14020/QĐ-CSHS ngày 08/8/2025 tiến hành truy tìm H để tiếp tục điều tra làm rõ, khi xác định được sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng T2 (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) là người giới thiệu bị cáo T cho bà O vay, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 292, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 268 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Minh T số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Buộc bị cáo Phạm Minh T nộp lại số tiền bị cáo dùng để cho vay mà bà Võ Thị Kim O đã trả cho bị cáo là 128.000.000đ (một trăm hai mươi tám triệu đồng) và số tiền bị cáo đã thu lãi của bà O theo quy định của pháp luật là 1.616.438đ (một triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3.2. Buộc bị cáo Phạm Minh T trả lại cho bà Võ Thị Kim O số tiền bị cáo đã thu lãi vượt quá quy định của pháp luật và tiền dịch vụ tổng cộng là 47.883.562đ (bốn mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng).

3.3. Buộc bà Võ Thị Kim O nộp lại số tiền 122.000.000đ (một trăm hai mươi hai triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Minh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh (PV06);
- CQTHAHS Công an TP. Hồ Chí Minh
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng THADS Khu vực 15);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Vọng